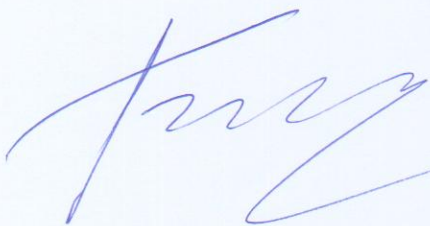


DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			-	-
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,708,619,088,024	1,519,036,741,003
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	86,436,925,309	131,903,946,598
1. Tiền	111		47,176,925,309	30,103,946,598
2. Các khoản tương đương tiền	112		39,260,000,000	101,800,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	905,311,690,480	775,192,878,066
1. Đầu tư ngắn hạn	121		907,315,734,250	777,784,819,836
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2,004,043,770)	(2,591,941,770)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		411,505,897,691	342,964,201,341
1. Phải thu khách hàng	131		35,069,787,149	39,581,233,670
2. Trả trước cho người bán	132	7	54,138,345,735	23,712,247,412
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	8	323,904,496,743	281,277,452,195
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,606,731,936)	(1,606,731,936)
IV. Hàng tồn kho	140	9	280,699,993,449	231,994,516,308
1. Hàng tồn kho	141	.	280,699,993,449	231,994,516,308
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24,664,581,095	36,981,198,690
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9,945,560,369	19,793,151,523
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,773,558,647	9,693,097,755
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		311,286,901	57,950,181
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7,634,175,178	7,436,999,231
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,027,208,327,789	2,051,450,666,002
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	10	852,748,832,015	846,832,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		852,748,832,015	846,832,000,000
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		876,046,617,097	889,919,794,510
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	873,231,185,575	887,070,133,736
- Nguyên giá	222		996,715,205,076	996,690,767,409
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123,484,019,501)	(109,620,633,673)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	2,579,502,840	2,613,732,092
- Nguyên giá	228		3,412,704,005	3,390,704,005
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(833,201,165)	(776,971,913)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	235,928,682	235,928,682
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		117,389,195,382	116,713,634,038
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	63,140,575,519	62,465,014,175
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	54,248,619,863	54,248,619,863
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		97,212,820,002	111,179,256,585
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	96,555,704,996	104,605,309,564
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		178,694,536	178,694,536

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Tài sản dài hạn khác	268		478,420,470	6,395,252,485
VI. Lợi thế thương mại	269	18	83,810,863,293	86,805,980,869
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,735,827,415,813	3,570,487,407,005
NGUỒN VỐN			-	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,513,363,344,178	2,352,642,898,618
I. Nợ ngắn hạn	310		1,592,411,955,151	1,430,613,407,690
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	716,635,326,213	626,773,518,705
2. Phải trả người bán	312	20	24,712,828,722	37,276,271,498
3. Người mua trả tiền trước	313	21	272,371,584,271	249,401,091,343
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	22	6,120,650,413	7,986,903,573
5. Phải trả người lao động	315		4,381,286,632	5,631,117,617
6. Chi phí phải trả	316	23	291,465,290,152	222,427,251,896
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		123,879,389	198,720,169
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	274,534,557,477	278,799,356,007
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2,066,551,882	2,119,176,882
II. Nợ dài hạn	330		920,951,389,027	922,029,490,928
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3. Phải trả dài hạn khác	333	25	96,086,365,042	97,003,113,492
4. Vay và nợ dài hạn	334	26	809,662,364,231	810,093,364,231
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	27	14,733,008,392	14,495,784,142
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		469,651,362	437,229,063
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,121,916,871,987	1,115,908,286,572
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	1,121,916,871,987	1,115,908,286,572
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		215,450,958	215,450,957
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		900,807,742	900,807,742
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5,046,111,982	5,046,111,982
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		115,754,501,305	109,745,915,891
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ	439		100,547,199,648	101,936,221,815
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,735,827,415,813	3,570,487,407,005

Kế toán trưởng



Hà nội, ngày 14 tháng 05 năm 2013
Tổng giám đốc

-

-

CÔNG TY: CÔNG TY CP KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG
Địa chỉ: Số 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Ba Đình, Hà nội
Tel: Fax:

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán
Q1 Năm 2012

Mẫu số

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	119,448,652,863	93,461,637,948	119,448,652,863	93,461,637,948
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		26,227,969	44,381,077	26,227,969	44,381,077
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		119,422,424,894	93,417,256,871	119,422,424,894	93,417,256,871
4. Giá vốn hàng bán	11	30	66,263,543,392	56,136,127,317	66,263,543,392	56,136,127,317
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		53,158,881,502	37,281,129,554	53,158,881,502	37,281,129,554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	45,090,295,445	43,941,860,911	45,090,295,445	43,941,860,911
7. Chi phí tài chính	22	31	48,990,307,485	35,567,543,253	48,990,307,485	35,567,543,253
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49,300,148,479	36,181,896,647	49,300,148,479	36,181,896,647
8. Chi phí bán hàng	24		16,058,820,561	10,242,444,830	16,058,820,561	10,242,444,830
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24,053,415,139	30,130,300,315	24,053,415,139	30,130,300,315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))	30		9,146,633,762	5,282,702,067	9,146,633,762	5,282,702,067
11. Thu nhập khác	31		202,015,396	590,197,799	202,015,396	590,197,799
12. Chi phí khác	32		43,492,390	1,823,323,932	43,492,390	1,823,323,932
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		158,523,006	(1,233,126,133)	158,523,006	(1,233,126,133)
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		675,561,343	572,863,422	675,561,343	572,863,422
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		9,980,718,111	4,622,439,356	9,980,718,111	4,622,439,356
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5,123,930,605	4,547,795,427	5,123,930,605	4,547,795,427
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		237,224,251		237,224,251	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		4,619,563,256	74,643,929	4,619,563,256	74,643,929
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1,389,022,159)	5,016,027,467	(1,389,022,159)	5,016,027,467
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		6,008,585,415	(4,941,383,538)	6,008,585,415	(4,941,383,538)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		60	(49)	60	(49)

Kế toán trưởng



Hà nội, ngày 14 tháng 05 năm 2013
Tổng giám đốc

CÔNG TY: CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG
Địa chỉ: Số 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội
Tel: Fax:

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán
Q1 Năm 2012

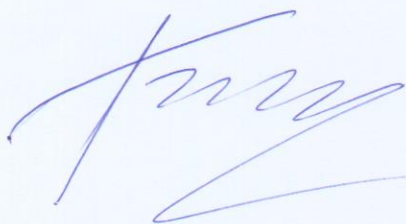
Mẫu số

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1/2013	Quý 1/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9,980,718,111	4,622,439,356
2. Điều chỉnh cho các khoản			67,580,672,412	(29,720,496,708)
- Khấu hao TSCĐ	02		14,052,449,129	5,058,697,092
- Các khoản dự phòng	03		(587,898,000)	(785,664,000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2,880,026,250	1,574,013,453
- Chi phí lãi vay	06		51,236,095,033	(35,567,543,253)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		77,561,390,523	(25,098,057,352)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19,934,734,352	(63,704,146,074)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(52,539,739,165)	1,262,871,653
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		(74,619,868,933)	48,522,195,815
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11,405,206,702	(2,488,661,527)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11,607,998,752)	(17,973,737,767)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8,071,865,341)	(1,327,788,567)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(358,167,150)	75,021,505,046
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(274,865,723,507)	(77,370,059,955)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(313,162,031,271)	(63,155,878,728)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(29,261,374)	(19,005,649,731)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	35,176,381
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,400,000,000)	(868,675,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7,510,000,000	864,722,200,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15,000,000,000)	9,044,419,352
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		201,942,862,500	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,020,601,348	793,622,883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		186,044,202,474	(13,085,231,115)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		191,400,000,000	55,900,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(109,749,192,492)	(38,916,600,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		81,650,807,508	16,983,400,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(45,467,021,289)	(59,257,709,843)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		131,903,946,598	158,085,175,695
Ảnh hưởng của bán công ty con	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		86,436,925,309	98,827,465,852

Kế toán trưởng

Hà nội, ngày 14 tháng 05 năm 2013
Tổng giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 7 năm 2011 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006). Vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu là 100.000.000 với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0800338870-001 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.

Đến ngày 31 tháng 03 năm 2013, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương có 04 công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư
- Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ
- Công ty Cổ phần Tân Việt
- Công ty Cổ phần Bánh Givral

Chi tiết về hoạt động của các công ty con trên được trình bày tại Thuyết minh số 14.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Mua bán lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến thực phẩm; Kinh doanh bất động sản; Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi; Tư vấn lập dự án xây dựng các công trình công nghiệp, nhà ở và công trình công cộng; Thiết kế kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế quy hoạch xây dựng); Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Thiết kế hệ thống cấp thoát nước - môi trường nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, ký cược ký quỹ, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Số dự phải thu dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản tiền ứng trước cho các đối tác để thực hiện các dự án bất động sản trong các kỳ tiếp theo và khoản tiền ứng trước cho các cá nhân để tiến hành chuyển nhượng cổ phần. Theo đánh giá của Công ty, các khoản ứng trước này chắc chắn có thể thu hồi trong tương lai. Do vậy Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động. Theo đánh giá của Công ty, tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, Công ty không có hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất. Theo đó, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc, thiết bị	03-10
Thiết bị văn phòng	03-08
Phương tiện vận tải	04-10
Tài sản khác	04-10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền thuê đất và giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1,017,303,232	1,526,907,023
Tiền gửi ngân hàng	35,625,483,572	28,108,710,910
Tiền đang chuyển	10,534,138,505	468,328,665
Các khoản tương đương tiền (i)	39,260,000,000	101,800,000,000
	86,436,925,309	131,903,946,598

(i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn không quá 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An (ii)	146,327,082,866	146,327,082,866
Công ty CP Việt Bắc	247,273,776,914	-
Bà Bùi Thị Cẩm Vân (iv)	79,857,137,500	197,600,000,000
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral (v)	226,099,990,000	226,099,990,000
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (vi)	40,000,000,000	40,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (vii)	159,500,000,000	159,500,000,000
Đầu tư ngắn hạn khác	8,257,746,970	8,257,746,970
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2,004,043,770)	(2,591,941,770)
	905,311,690,480	775,192,878,066

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến	20,300,000,000	20,300,000,000
Đầu tư Viptour (i)	1,845,426,528	
Công ty CP TMXD Nguyên Tiến Đạt	27,281,919,309	3,412,247,412
Các đối tượng khác	4,710,999,898	
	54,138,345,735	23,712,247,412

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ông Hà Trọng Nam (i)	81,819,305,555	64,631,805,555
Công ty TNHH VNT (ii)	210,000,000,000	210,000,000,000
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	6,741,666,668	5,366,666,668
Phải thu khác	25,343,524,520	1,278,979,972
	323,904,496,743	281,277,452,195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13,274,498,871	14,658,898,634
Công cụ, dụng cụ	429,721,739	393,518,667
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	215,988,398,298	215,987,198,298
Thành phẩm	76,865,223	76,865,223
Hàng hoá	50,930,509,318	878,035,486
	280,699,993,449	231,994,516,308

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản tiền đã chi để Công ty thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản. Chi tiết như sau:

	31/03/2013	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (i)	100,000,000,000	100,000,000,000
Công ty Euro Metal Cans Holding Co PTE LTD (ii)	85,100,000,000	85,100,000,000
Công ty TNHH Togi Việt Nam (ii)	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty Cổ phần Viptour - Togi (iii)	160,732,000,000	160,732,000,000
Ông Hà Trọng Nam (iv)	500,000,000,000	500,000,000,000
Đối tượng khác	5,916,832,015	
	852,748,832,015	846,832,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	770,665,575,090	201,961,296,159	9,685,912,587	1,219,368,735	13,158,614,838	996,690,767,409
Mua trong năm	-	28,912,400	-	11,809,091	24,419,090	65,140,581
Tăng từ đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	4,829,708,000	(4,829,708,000)	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Bút toán hợp nhất	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(40,702,914)	-	-	-	(40,702,914)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2013	775,495,283,090	197,119,797,646	9,685,912,587	1,231,177,826	13,183,033,928	996,715,205,076
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	57,368,016,688	43,120,215,122	4,924,356,964	504,310,229	3,703,734,670	109,620,633,673
Khấu hao trong năm	7,120,331,803	4,549,853,317	252,674,578	47,122,925	519,263,886	12,489,246,509
Bút toán hợp nhất	1,207,817,259	153,642,548	1,082,607	11,596,905	-	1,374,139,319
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2013	65,696,165,750	47,823,710,987	5,178,114,149	563,030,059	4,222,998,556	123,484,019,501
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/03/2013	709,799,117,341	149,296,086,658	4,507,798,437	668,147,767	8,960,035,371	873,231,185,575
Tại ngày 01/01/2013	713,297,558,402	158,841,081,037	4,761,555,622	715,058,506	9,454,880,167	887,070,133,736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thuê đất	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	2,220,284,239	1,170,419,766	3,390,704,005
Mua trong năm	-	22,000,000	22,000,000
Bút toán hợp nhất			-
Giảm do thanh lý công ty con			-
Tại ngày 31/03/2013	2,220,284,239	1,192,419,766	3,412,704,005
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	194,497,637	582,474,276	776,971,913
Khấu hao trong năm	-	28,575,560	28,575,560
Bút toán hợp nhất	27,653,692	-	27,653,692
Giảm do thanh lý công ty con			-
Tại ngày 31/03/2013	222,151,329	611,049,836	833,201,165
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/03/2013	1,998,132,910	581,369,930	2,579,502,840
Tại ngày 01/01/2013	2,025,786,602	587,945,490	2,613,732,092

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2012	2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	235,928,682	218,274,709,041
Tăng trong năm	-	357,595,269,217
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(569,402,484,982)
Kết chuyển sang giá vốn	-	(6,231,564,594)
Tại ngày 31 tháng 12	235,928,682	235,928,682
Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo công trình:		
	31/03/2013	31/12/2011
	VND	VND
Các công trình khác	235,928,682	235,928,682
	235,928,682	235,928,682

(i) Xây dựng khách sạn với tiêu chuẩn 4 sao thuộc Dự án khu du lịch Sunrise Hội An Resort với tổng mức vốn đầu tư dự kiến khoảng 540 tỷ VND của Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (công ty con của Công ty). Công trình này đã đưa vào sử dụng trong năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. HỢP NHẤT KINH DOANH

Đầu tư vào công ty con

Tên Công ty con	Ngày năm quyền kiểm soát (i)	Giá trị đầu tư tại ngày 31/03/2013 VND	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	31/12/2009	172,928,550,363	172,928,550,363
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	08/04/2011	47,209,238,000	47,209,238,000
Công ty Cổ phần Tân Việt	23/05/2011	109,493,338,104	109,493,338,104
Công ty Cổ phần Bánh Givral	29/12/2011	29,400,000,000	29,400,000,000
		359,031,126,467	359,031,126,467

(i) Là ngày Công ty nắm giữ quyền kiểm soát các công ty con sau khi đã mua số cổ phần chi phối các công ty con này.

Thông tin chi tiết về đầu tư góp vốn vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ đến ngày 31/03/2012 (%) (*)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư	Quảng Nam	40,00	74,00	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ Phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Quảng Ninh	83,00	83,00	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ Phần Tân Việt	Khánh Hòa	51,42	51,42	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Bánh Givral	TP. Hồ Chí Minh	98,00	98,00	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh từ bột, cacao, sôcôla và mứt kẹo; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

(*) Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty cao hơn tỷ lệ phần sở hữu tại các công ty con trên do Công ty đã có các thỏa thuận với các cổ đông của các công ty này để có được quyền biểu quyết lớn hơn trong thời gian thực hiện thủ tục để chính thức sở hữu cổ phần.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/03/2013 VND	31/12/2012 VND
Giá gốc đầu tư vào công ty liên kết	32,762,945,282	32,762,945,282
Bất lợi thương mại phát sinh khi đầu tư công ty liên kết	26,777,423,118	26,777,423,118
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	3,600,207,119	2,924,645,775
	63,140,575,519	62,465,014,175

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ đến ngày 31/12/2012 (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	Nghệ An	49,50	49,50	Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế; cho thuê văn phòng

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2013 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	4,571,400,000	4,571,400,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	43,335,369,863	43,335,369,863
Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam	3,341,800,000	3,341,800,000
Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam (ii)	3,000,050,000	3,000,050,000
	54,248,619,863	54,248,619,863
(i) Phản ánh khoản đầu tư mua 3.500.000 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với tổng giá trị là 43.335.369.863 VND.		
(ii) Phản ánh khoản đầu tư mua 300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam.		

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2,013 VND	2,012 VND
Tại ngày đầu kỳ	104,605,309,564	20,014,643,869
Tăng từ mua sắm mới	426,399,820	123,052,622,038
Tăng khác	341,840,100	
Phân bổ vào chi phí trong năm	(8,817,844,488)	(26,857,962,929)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(11,603,993,414)
Tại ngày cuối kỳ	96,555,704,996	104,605,309,564

Chi tiết theo nội dung chi phí:

	31/03/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí thuê đất	5,426,700,002	5,456,462,525
Chi phí công cụ dụng cụ	87,556,525,708	91,909,959,313
Chi phí sửa chữa cửa hàng, VP	3,332,533,877	3,633,897,682
Chi phí trả trước dài hạn khác	239,945,409	3,604,990,044
	96,555,704,996	104,605,309,564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2,013	2,012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	86,805,980,869	204,681,996,486
Tăng do đầu tư vào công ty con	-	-
Phân bổ trong năm	(2,995,117,576)	(19,038,652,039)
Giảm do thanh lý Công ty con (i)	-	(98,837,363,578)
Tại ngày cuối kỳ	83,810,863,293	86,805,980,869
(i): Giảm lợi thế thương mại do thanh lý Công ty Cổ phần Sài Gòn – Givral.		

Chi tiết lợi thế thương mại theo từng khoản đầu tư

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	67,012,086,726	69,494,015,865
Công ty Cổ phần Tân Việt	14,905,524,640	15,359,548,954
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	1,893,251,927	1,952,416,050
	83,810,863,293	86,805,980,869

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	68,191,326,213	61,409,518,705
Công ty Cổ phần Viptour - Togi (ii)	40,000,000,000	40,000,000,000
Công ty CP tập đoàn đại dương	90,000,000,000	
Ngân hàng ngoại thương VN	16,720,000,000	
Vay dài hạn đến hạn trả (iii)	-	525,364,000,000
- Vay dài hạn đến hạn trả NH TMCP Đại dương	1,724,000,000	25,364,000,000
- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Phương Nam	500,000,000,000	500,000,000,000
	716,635,326,213	626,773,518,705

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đại An	-	4,291,232,817
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	-	2,716,699,800
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Hưng Phát	-	3,947,658
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia	-	7,881,638,298
Các đối tượng khác	24,712,828,722	22,382,752,925
	24,712,828,722	37,276,271,498

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai (i)	232,899,990,000	232,899,990,000
Các đối tượng khác	39,471,594,271	16,501,101,343
	272,371,584,271	249,401,091,343

(i) Khoản ứng trước để thực hiện một hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trong năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	136,588,041	70,703,722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,914,744,437	6,454,734,648
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2,359,018,751	957,055,649
Thuế thu nhập cá nhân	589,262,581	502,771,688
Thuế khác	121,036,603	1,637,866
	6,120,650,413	7,986,903,573

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	96,368,483,881	59,679,535,049
Chi phí phải trả khác	-	1,572,628,356
Chi phí trích trước mua condotel NT	40,458,645,464	
Chi phí trích trước xây dựng dự án Sunrise Hội An Resort	150,865,758,786	161,175,088,491
Khác	3,772,402,021	
	291,465,290,152	222,427,251,896

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viptour - Togi (i)	6,633,600,000	6,633,600,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh (ii)	20,000,000,000	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt (ii)	45,400,000,000	45,400,000,000
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai (iii)	81,709,704,126	84,883,329,126
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (iv)	116,042,770,800	116,042,770,800
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	-	3,915,216,638
Phải trả, phải nộp khác	4,748,482,551	1,924,439,443
	274,534,557,477	278,799,356,007

25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát VISSAI (i)	87,997,232,500	87,997,232,500
Đối tượng khác (ii)	8,089,132,542	9,005,880,992
	96,086,365,042	97,003,113,492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	309,662,364,231	310,093,364,231
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (iv)	500,000,000,000	500,000,000,000
	<u>809,662,364,231</u>	<u>810,093,364,231</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Các khoản dự phòng</u>
	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	14,495,784,142
Chuyển sang kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	237,224,250
Tại ngày 31/03/2013	<u>14,733,008,392</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	1,000,000,000,000	2,186,742,015	392,220,491	4,376,214,656	74,854,899,411	1,081,810,076,573
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	96,053,825,370	96,053,825,370
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(80,000,000,000)	(80,000,000,000)
Phân phối các quỹ tại Công ty mẹ	-	-	669,897,326	669,897,326	(1,794,743,315)	(454,948,663)
Phân phối các quỹ tại Công ty con	-	215,450,957	215,450,957	-	(430,901,915)	-
Tăng khác (i)	-	-	-	-	5,792,321,655	5,792,321,655
Tăng/ Giảm do thanh lý công ty con	-	(2,186,742,015)	(376,761,032)	-	15,974,298,807	13,410,795,760
Giảm khác	-	-	-	-	(703,784,122)	(703,784,122)
Số dư tại ngày 31/12/2012	1,000,000,000,000	215,450,957	900,807,742	5,046,111,982	109,745,915,891	1,115,908,286,572
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6,008,585,415	6,008,585,415
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	-
Tăng khác (i)	-	-	-	-	-	-
Tăng/ Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2012	1,000,000,000,000	215,450,957	900,807,742	5,046,111,982	115,754,501,306	1,121,916,871,987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 7 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	31/03/2013		31/12/2012	
	triệu VND	%	triệu VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	750,000	75.00%	750,000	75%
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ chứng	59,527	6%	-	0%
Các cổ đông khác	190,473	19.05%	250,000	25%
	1,000,000	100%	1,000,000	100%

	31/03/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100,000,000	100,000,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100,000,000	100,000,000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100,000,000	100,000,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100,000,000	100,000,000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. DOANH THU

	Q1/2013	Q1/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	119,448,652,863	93,461,637,948
Trong đó:		
- Doanh thu khách sạn	77,848,600,896	60,861,876,702
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8,194,781,179	6,272,727,273
- Doanh thu nhượng condotel	2,028,537,291	-
- Doanh thu kinh doanh bánh kẹo và đồ uống	31,376,733,497	26,327,033,973
Các khoản giảm trừ	(26,227,969)	(44,381,077)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	119,422,424,894	93,417,256,871

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Q1/2013	Q1/2012
	VND	VND
Giá vốn khách sạn	44,574,162,305	29,625,586,005
Giá vốn cung cấp dịch vụ	835,023,101	8,018,048,292
Giá vốn bán nhượng condotel	1,169,307,615	-
Giá vốn kinh doanh bánh kẹo và đồ uống	19,685,050,371	18,492,493,020
	66,263,543,392	56,136,127,317

31. DOANH THU – CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Q1/2013	Q1/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26,340,920,273	43,941,860,911
Cổ tức, lợi nhuận nhận được	17,911,600,000	
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	837,775,172	
	45,090,295,445	43,941,860,911

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Q1/2013	Q1/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	49,300,148,479	36,181,896,647
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	171,310,606
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(587,898,000)	-
Chi phí tài chính khác	278,057,006	(785,664,000)
	48,990,307,485	35,567,543,253

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Q1/2013	Q1/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	9,980,718,111	4,622,439,356
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(9,438,220,000)	(6,664,529,103)
Trừ: Dự phòng đầu tư vào công ty con	(948,897,002)	
Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế	14,000,000	669,279,488
Cộng: Lỗ tại các công ty con	17,074,989,906	11,311,590,315
Cộng: Bút toán điều chỉnh do hợp nhất	3,813,131,404	8,252,401,654
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	20,495,722,419	18,191,181,710
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5,123,930,605	4,547,795,428
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	237,224,251	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,361,154,855	4,547,795,428

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Q1/2013	Q1/2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	6,008,585,415	(4,941,383,539)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	100,000,000	100,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	60	(49)

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và Thuyết minh số 24, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	1,526,297,690,444	1,436,866,882,936
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(86,436,925,309)	(131,903,946,598)
Nợ thuần	1,439,860,765,135	1,304,962,936,338
Vốn chủ sở hữu	1,121,916,871,987	1,115,908,286,572
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1.28	1.17
Các chính sách kế toán chủ yếu		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG
Số 4 phố Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hà nội, ngày 14 tháng 5 năm 2013

Trương Kim Thanh
Kế toán trưởng

Sven Albert Saebel
Tổng Giám đốc